TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 03/6/2020
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Gia

2. Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Giáp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Phú Bình, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 44/2019/TLST-DS ngày 05/8/2019 về việc kiện "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 05/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Đình H, sinh năm1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Kh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Chu Văn Ph, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1981(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: phố Cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Đình H trình bày:

Anh và anh Ph, chị Đ là hàng xóm với nhau, vào ngày 20/6/2016 anh Ph, chị Đ đã hỏi vay tiền anh, anh đã cho anh Ph, chị Đ vay 3 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy vay tiền, thời hạn vay ngắn ngày. Đến tháng 9/2016 anh Ph đã trả anh số tiền 70.000.000 (bẩy mươi triệu đồng). Đến 30/4/2017 anh Ph trả anh 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Đến tháng 2/2018 anh Ph trả anh 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền anh Ph đã trả anh 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Anh Ph còn nợ lại tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận miệng là lãi trả hàng tháng theo lãi suất

ngân hàng. Đến ngày 03/02/2018 anh Ph và chị Đ chốt nợ, chị Đ là người viết giấy, anh Ph và chị Đ ký xác nhận. Trong phần xác nhận anh có viết thêm tại nhà anh Ph, chị Đ về thời hạn trả nợ "hẹn trong một tuần trả cả gốc". Sau khi viết xong anh có đọc lại cho anh Ph, chị Đ nghe sau đó anh Ph, chị Đ mới ký nhận.

Từ đó đến nay anh đã nhiều lần yêu cầu anh Ph, chị Đ trả tiền, nhưng anh Ph, chị Đ không trả.

Trong quá trình giải quyết anh yêu cầu Tòa án buộc anh Ph, chị Đ trả anh tiền gốc còn nợ là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định từ tháng 03/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa anh chỉ yêu cầu anh Ph, chị Đ trả anh số tiền gốc còn lại, còn tiền lãi anh không yêu cầu.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Chu Văn Ph trình bày:

Anh và anh H là hàng xóm, anh xác nhận có vay của anh H số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), đã trả anh H 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi. Đến ngày 03/2/2018 hai bên đã chốt nợ và xác định anh còn nợ anh H tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng và gia đình anh vẫn trả lãi đều đặn cho anh H. Giấy xác nhận nợ ngày 03/02/2018 vợ anh là chị Lê Thị Đ là người trực tiếp viết giấy xác nhận nợ, chỉ viết xác nhận còn nợ là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và có ký chặn đầu chữ, không ghi họ tên, sau đó anh là người ký phía dưới ghi rõ họ tên, còn dòng chữ "hẹn trong một tuần trả cả gốc" là do anh H về nhà tự viết, vợ chồng anh không biết. Nay anh xác định còn nợ anh H số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Đối với số nợ 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) anh vẫn trả lãi đều đặn hàng tháng đến tháng 5 năm 2019, từ tháng 6 năm 2019 anh H khởi kiện anh ra tòa anh mới không trả lãi. Anh Ph xác định vay tiền anh H là vay lâu dài, không xác định ngày trả nên nay anh H yêu cầu anh trả tiền ngay anh chưa đủ điều kiện trả tiền cho anh H, khi nào có điều kiện thì anh sẽ trả. Việc vay nợ là do anh tự vay để làm ăn, vợ anh không liên quan đến khoản nợ này mà chỉ là người ghi hộ anh trong giấy nhận nợ.

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến để tiến hành làm bản tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên chỉ có anh Ph đến làm bản tự khai và tham gia phiên họp và hòa giải, tại phiên hòa giải các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng sau đó anh Ph không đến, chị Đ có đến Tòa án nhưng không hợp tác làm bản tự khai cũng như làm các thủ tục tố tụng khác, do vậy không có lời khai của chị Đ và vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Phú Bình phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 49, 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Chu Văn Ph và chị Lê Thị Đ phải trả cho anh Đỗ Đình H số tiền vay gốc là 120.000.000đ(Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn); Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự**.**

Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Ph, chị Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Chu Văn Ph và chị Lê Thị Đ.

[2] Về nội dung: Về giấy nhận nợ tiền đề ngày 03/02/2018 thể hiện anh Ph, chị Đ còn nợ số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn trả một tuần, không thỏa thuận lãi suất, người viết giấy là chị Lê Thị Đ, dưới dòng chữ có chữ ký của chị Đ và chữ ký cùng họ tên anh Chu Văn Ph. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh Ph, chị Đ có viết giấy còn nợ của anh H số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) vào ngày 03/02/2018 là có thật vì đã được thừa nhận, chị Đ là người trực tiếp viết, anh Ph và chị Đ đều ký nhận bên vay. Tuy nhiên anh Ph cho rằng vợ anh là chị Lê Thị Đ không liên quan số tiền vay đó, mà tiền đó là anh vay để làm ăn không liên quan đến chị Đ nên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Đ không hợp tác để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định. Anh Ph xác Đ anh vay thì anh là người có trách nhiệm trả toàn bộ cho anh H khi có điều kiện vì thời hạn vay là lâu dài. Việc anh Ph cho rằng chị Đ không liên quan đến khoản vay trên, nhưng trong giấy nợ chị Đ là người trực tiếp viết và ký nhận bên dưới, điều đó thể hiện chị Đ có biết việc còn nợ số tiền 120.000.000đ của anh H. Qua tài liệu xác minh có trong hồ sơ cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án xác định chị Đ và anh Ph là vợ chồng, anh Ph và chị Đ cùng ký nhận số tiền vay còn nợ lại của anh H. Do đó lời trình bày của anh Ph cho rằng số tiền đó không liên quan đến chị Đ là không có căn cứ, nên cần buộc anh Ph và chị Đ liên đới trả cho anh H số tiền còn nợ lại là phù hợp với Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình

Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Đỗ Đình H, buộc anh Chu Văn Ph và chị Lê Thị Đ phải trả số tiền 120.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy nhận nợ ngày 03/02/2018 xác định số tiền còn nợ là 120.000.000đ có chữ ký của anh Ph, chị Đ. Anh Ph cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký là của vợ chồng anh và

số tiền anh còn nợ của anh H là 120.000.000đ. Do vậy yêu cầu của anh H buộc anh Ph, chị Đ trả số tiền gốc còn nợ lại 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận.

[3]Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết anh H có yêu cầu lãi suất, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh H không yêu cầu anh Ph, chị Đ phải trả lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[5]Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đình H được chấp nhận nên anh Chu Văn Ph và chị Lê Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí; Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Đình H về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với đồng bị đơn anh Chu văn Ph và chị Lê Thị Đ

2. Buộc anh Chu Văn Ph và chị Lê Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Đỗ Đình H số tiền : 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Anh H không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3**. Về án phí:** Anh Chu Văn Ph, chị Lê Thị Đ phải chịu 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả anh Đỗ Đình H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tại biên lai thu số 0000886 ngày 02/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh H, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Ph, chị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châm Thị Vân Khánh